

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

NĂM 2008
I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: Nghìn đồng

STT	Nội dung	Số đầu năm	Số cuối năm
I	Tài sản ngắn hạn	2,190,031,497	1,276,831,105
1	Tiền	436,522,408	243,572,340
2	Các khoản đầu tư chứng khoán và đầu tư ngắn hạn khác	443,681,156	252,229,589
	- Chứng khoán tự doanh	277,918,782	178,491,456
	- Chứng khoán đầu tư ngắn hạn của người UTĐT	171,435,600	
	- Đầu tư ngắn hạn		122,524,000
	- Dự phòng giảm giá chứng khoán và đầu tư ngắn hạn	(5,673,226)	(48,785,867)
	- Dự phòng rủi ro		
3	Các khoản phải thu	1,299,193,504	773,915,847
4	Vật liệu, công cụ tồn kho	61,667	
5	Tài sản ngắn hạn khác	10,572,762	7,113,329
II	Tài sản dài hạn	250,338,803	665,139,032
1	Tài sản cố định:	18,016,651	30,260,739
	- Tài sản cố định hữu hình	11,396,239	24,944,111
	- Tài sản cố định thuê tài chính		
	- Tài sản cố định vô hình	6,620,412	5,316,628
2	Các khoản đầu tư chứng khoán và đầu tư dài hạn khác	230,250,000	454,818,932
3	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
4	Tài sản dài hạn khác	2,072,152	180,059,361
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	2,440,370,300	1,941,970,137
IV	Nợ phải trả	2,049,748,726	1,501,674,133
1	Nợ ngắn hạn	1,587,748,726	930,270,993
2	Nợ dài hạn	462,000,000	571,403,140
V	Nguồn vốn chủ sở hữu	390,621,574	440,296,004
1	Vốn góp ban đầu	300,000,000	420,000,000
2	Vốn bổ sung		
3	Các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối	90,621,574	20,296,004
4	Vốn điều chỉnh		
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	2.440.370.300	1.941.970.137

II KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
1	Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	320,819,823	205,933,166
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	-1,993,015	-6,492,933
3	Doanh thu thuần	318,826,808	199,440,233
4	Thu lãi đầu tư	25,655,819	9,302,751
5	Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán và lãi đầu tư	344,482,627	208,742,984
6	Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán	-323,245,596	-96,505,576
7	Lợi nhuận gộp	21,237,031	112,237,408
8	Chi phí quản lý	-20,866,914	-9,075,036
9	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	370,117	103,162,372
10	Lợi nhuận ngoài hoạt động kinh doanh	3,043	189
11	Tổng lợi nhuận trước thuế	373,160	103,162,561
12	Lợi nhuận tính thuế (Lợi nhuận tính thuế - Lãi đầu tư)	-25,282,659.0	93,859,810.0
13	Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp	0	18,771,962
14	Lợi nhuận sau thuế	373,160	84,390,599
15	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (nếu có)	0.01	5.13
16	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu (nếu có)		

III CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kỳ trước	Kỳ báo cáo
1	Cơ cấu tài sản	%		
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản		0.74%	1.56%
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản		89.74%	65.75%
2	Cơ cấu nguồn vốn	%		
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn		83.99%	77.33%
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn		16.01%	22.67%
3	Khả năng thanh toán	Lần		
	Khả năng thanh toán nhanh		1.55	1.28
	Khả năng thanh toán hiện hành		1.55	1.28
4	Tỷ suất lợi nhuận	%		
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản		3.46%	0.02%
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần		40.43%	0.11%
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu		21.60%	0.08%

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN THĂNG LONG
TỔNG GIÁM ĐỐC

LÊ ĐÌNH NGỌC

